

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
NĂM 2008**

I.A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền: đồng

Stt	Nội dung	Số dư đầu năm (01/01/2008)	Số dư cuối năm (31/12/2008)
I	Tài sản ngắn hạn	1.323.848.729.908	1.082.161.908.938
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	84.911.961.168	46.804.964.763
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	732.967.812	656.250.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.017.980.175.070	851.401.405.898
4	Hàng tồn kho	180.904.084.136	159.487.170.110
5	Tài sản ngắn hạn khác	39.319.541.722	23.812.118.167
II	Tài sản dài hạn	751.817.017.709	949.145.981.959
1	Các khoản phải thu dài hạn	33.328.661.944	21.759.091.062
2	Tài sản cố định	548.242.217.733	795.497.025.141
	- Tài sản cố định hữu hình	266.582.998.894	518.877.927.155
	- Tài sản cố định vô hình	27.158.042.606	32.052.653.618
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	254.501.176.233	244.566.444.368
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	148.991.942.656	91.444.850.582
5	Tài sản dài hạn khác	21.254.195.376	40.445.015.173
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.075.665.747.617	2.031.307.890.897
IV	Nợ phải trả	1.614.838.382.159	1.647.682.134.804
1	Nợ ngắn hạn	851.498.778.956	675.898.544.159
2	Nợ dài hạn	763.339.603.203	971.783.590.645
V	Vốn chủ sở hữu	366.027.056.962	317.306.620.207
1	Vốn chủ sở hữu	362.428.679.642	311.141.659.571
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	2.846.062.470	2.849.765.311
	- Vốn khác của chủ sở hữu	332.542.070	327.902.789
	- Cổ phiếu quỹ	(17.985.778.149)	(21.192.324.986)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	8.059.511.912	11.290.664.492
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	49.176.341.338	(2.134.348.035)
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	3.598.377.320	6.164.960.636
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	3.598.377.320	6.164.960.636
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	Lợi ích cổ đông thiểu số	94.800.308.496	66.319.135.886
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.075.665.747.617	2.031.307.890.897



II.A. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2007
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	369.266.037.176	573.522.433.017
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	354.124.064	96.541.045
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	368.911.913.112	573.425.891.972
4	Giá vốn hàng bán	317.288.851.855	492.438.978.158
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.623.061.257	80.986.913.814
6	Doanh thu hoạt động tài chính	28.420.082.452	10.933.728.388
7	Chi phí tài chính	80.560.893.318	39.572.629.855
8	Chi phí bán hàng	2.015.859.406	2.495.878.467
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	30.909.753.896	27.280.888.228
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(33.443.362.911)	22.571.245.652
11	Thu nhập khác	76.995.136.917	43.880.100.262
12	Chi phí khác	31.247.179.001	16.672.499.368
13	Lợi nhuận khác	45.747.957.916	27.207.600.894
14	Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết	(11.889.773.499)	11.262.153.644
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	414.821.507	61.041.000.190
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	972.439.577	2.661.076.218
16.1	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(557.618.070)	58.379.923.972
17.1	Lợi ích của cổ đông thiểu số	(3.158.761.975)	6.423.179.531
17.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	2.601.143.905	51.956.744.441
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	82,00	1.638
19	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	-	1.500



